



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Số 34

(Ngày 01 tháng 6 năm 2011)

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 14-5-2011 - Quyết định số 23/2011/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình cải cách hành chính gắn với mục tiêu xây dựng mô hình chính quyền đô thị giai đoạn 2011 - 2015. 3
- 14-5-2011 - Quyết định số 24/2011/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế thành phố giai đoạn 2011 - 2015. 15

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

- 12-5-2011 - Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật. 49

12-5-2011 - Quyết định số 04/2011/QĐ-UBND về việc công bố danh mục văn bản hết hiệu lực thi hành.

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/2011/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình cải cách hành chính gắn với mục tiêu xây dựng mô hình chính quyền đô thị giai đoạn 2011 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 16 tháng 3 năm 2011 của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình cải cách hành chính gắn với mục tiêu xây dựng mô hình chính quyền đô thị giai đoạn 2011 - 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1693/TTr-SNV ngày 01 tháng 12 năm 2010 về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình cải cách hành chính gắn với mục tiêu xây dựng chính quyền đô thị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh lần thứ IX về Chương trình cải cách hành chính gắn với mục tiêu xây dựng mô hình chính quyền đô thị giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 2. Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này để xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể, thiết thực nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và doanh nghiệp thuộc thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh
lần thứ IX về Chương trình cải cách hành chính gắn với mục tiêu
xây dựng mô hình chính quyền đô thị giai đoạn 2011 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2011/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Thực hiện Chương trình hành động số 10-CTrHĐ/TU ngày 16 tháng 3 năm 2011 của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình cải cách hành chính gắn với mục tiêu xây dựng mô hình chính quyền đô thị giai đoạn 2011 - 2015, Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

Thực hiện có hiệu quả Chương trình cải cách hành chính gắn với xây dựng mô hình chính quyền đô thị, xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; bộ máy quản lý nhà nước tinh gọn; đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển thành phố và hội nhập kinh tế quốc tế.

Giai đoạn 2011 - 2015, thành phố thực hiện cải cách hành chính một cách đồng bộ trên các lĩnh vực: thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, cải cách tài chính công và hiện đại hóa nền hành chính. Lấy việc công khai minh bạch các quy định của Nhà nước và bố trí cán bộ, công chức, viên chức đủ phẩm chất, năng lực theo yêu cầu công việc làm khâu đột phá trong cải cách hành chính; đồng thời gắn với đề án đơn giản hóa thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào hoạt động cơ quan hành chính.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế hành chính theo hướng công khai, minh bạch, tạo môi trường thu hút đầu tư phát triển thành phố:

a) Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính ở các ngành, các cấp: thực hiện nghiêm việc xây dựng chương trình cải cách hành chính định kỳ hàng năm, phân công cụ thể các cơ quan, đơn vị, phòng, ban chuyên môn trực thuộc thực hiện công tác cải cách hành chính theo ngành, lĩnh vực mà mình phụ trách; thường xuyên thanh tra công vụ, kiểm tra việc hoàn thành giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức và công dân, các nhiệm vụ cải cách hành chính được giao, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ công tác cải cách hành chính theo quy định.

b) Tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố đảm bảo sự cần thiết, tính hợp lý, hợp pháp khi ban hành văn bản.

c) Đẩy mạnh thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước, đảm bảo thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ và chất lượng theo quy định.

- Tập trung chỉ đạo, rà soát, thống kê, đánh giá thực trạng thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước, nghiên cứu, góp ý bổ sung, hoàn chỉnh nhằm khắc phục sự thiếu đồng bộ giữa các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân thành phố hoặc các cơ quan Trung ương ban hành, kịp thời kiến nghị hoặc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính theo thẩm quyền để tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh, phục vụ tốt hơn nhu cầu của nhân dân và doanh nghiệp.

- Thực hiện công khai minh bạch, hướng dẫn rõ ràng và thường xuyên cập nhật thông tin, tập trung trên các lĩnh vực quản lý xây dựng, nhà đất, hộ tịch, khiếu nại, tố cáo, cấp giấy phép đầu tư, thành lập doanh nghiệp, chứng minh nhân dân, hộ khẩu, xuất nhập cảnh, đăng ký phương tiện giao thông, kê khai và nộp thuế, phí và lệ phí. Công bố, công khai minh bạch bằng nhiều hình thức về quy trình thủ tục, thành phần hồ sơ, các loại biểu mẫu, quy định thời gian giải quyết, các mức phí, lệ phí theo quy định để người dân và doanh nghiệp dễ hiểu và dễ thực hiện.

d) Đề cao trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan hành chính thành phố trong việc thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước. Xử lý nghiêm những cá nhân, cơ quan, đơn vị và địa phương tùy tiện đặt ra các quy định trái pháp luật, thẩm quyền, gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp, tổ chức và công dân.

đ) Tiếp tục triển khai đồng bộ, nâng cao chất lượng thực hiện có hiệu quả cơ chế ‘một cửa’, ‘một cửa liên thông’ để giải quyết công việc của tổ chức và công dân.

- Hoàn thiện việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo mô hình thống nhất đầu mối là bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại một cơ quan nhà nước, nhằm tăng cường trách nhiệm, nâng cao chất lượng và hiệu quả phục vụ nhân dân.

- Mở rộng thực hiện cơ chế một cửa liên thông giữa các sở - ngành; giữa sở - ngành thành phố với Ủy ban nhân dân các quận - huyện, giữa Ủy ban nhân dân quận - huyện với phường - xã, thị trấn trong giải quyết thủ tục hành chính.

2. Xây dựng tổ chức bộ máy gắn với mục tiêu xây dựng chính quyền đô thị:

a) Thực hiện tốt việc tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và xã theo quy định; tiếp tục thí điểm thực hiện Bí thư đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tại các đơn vị hành chính quận - huyện, phường - xã, thị trấn.

- Thực hiện cải cách hành chính gắn với đổi mới hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố và Hội đồng nhân dân xã, thị trấn. Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố trong điều kiện không tổ chức Hội đồng nhân dân quận - huyện, phường theo hướng tăng cường số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, bảo đảm mỗi đơn vị hành chính quận, huyện có ít nhất 3 đại biểu; tăng cường số lượng đại biểu chuyên trách, nâng cao tính chuyên nghiệp của đại biểu; cơ quan thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban Hội đồng nhân dân đủ mạnh để đảm bảo vai trò quyết định các vấn đề lớn và giám sát việc thực hiện của các cơ quan hành chính các cấp ở thành phố theo luật định.

- Tổng kết, rút kinh nghiệm, kiến nghị bổ sung và hoàn thiện cơ sở pháp lý về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân; tiếp tục kiến nghị mở rộng thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân tại các xã, thị trấn. Mở rộng việc thực hiện thí điểm mô hình Bí thư đồng thời Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn; tăng cường vai trò giám sát và đại diện cho dân của đại biểu Hội đồng nhân dân và tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.

b) Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn phù hợp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quy mô của thành phố; Đổi mới đồng bộ về tổ chức và hoạt động các cơ quan chuyên môn cấp thành phố, quận - huyện và phường - xã, thị trấn. Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; thực hiện đồng bộ phân cấp về tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức thuộc thành phố;

- Nghiên cứu, đề xuất Chính phủ sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh nội dung Nghị định số 13/2008/NĐ-CP; từng bước kiện toàn và sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân quận - huyện phù hợp với điều kiện và đặc thù của đô thị lớn.

- Đổi mới nội dung và phương thức quản lý điều hành phù hợp với đặc điểm chính quyền đô thị; nâng cao thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan hành chính cấp trên đối với cấp dưới; tăng thẩm quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực đối với người đứng đầu các cơ quan chuyên môn; nghiên cứu thí điểm thực hiện cơ quan chuyên môn quản lý theo ngành dọc trên địa bàn thành phố để quản lý thống nhất, đồng bộ và mang lại hiệu lực, hiệu quả cao; nhất là những lĩnh vực về quy hoạch, quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị, y tế, giáo dục,...

c) Đẩy mạnh phân cấp trong công tác quản lý nhà nước đồng bộ và phù hợp hơn cho các sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn theo hướng xác định rõ nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, từng cấp chính quyền địa phương.

- Xây dựng quy chế phối hợp chặt chẽ giữa Ủy ban nhân dân quận - huyện với các cơ quan chuyên môn cấp thành phố để đảm bảo tính thống nhất và thông suốt trong tổ chức và quản lý.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát nhằm vừa bảo đảm sự lãnh đạo tập trung thống nhất vừa phát huy tính chủ động sáng tạo của các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện.

d) Đổi mới cơ bản mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công. Tăng cường đầu tư và đổi mới cơ chế quản lý của Nhà nước để các đơn vị sự nghiệp công lập phát triển mạnh mẽ, có hiệu quả. Đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, vận dụng hợp lý những mặt tích cực của cơ chế thị trường để khuyến khích và huy động các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, các nguồn lực khác nhằm phát triển mạnh các dịch vụ công, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu đa dạng ngày càng tăng của nhân dân qua các chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng.... Nghiên cứu xây dựng đề án thành lập các Tập đoàn kinh tế lớn của thành phố trên cơ sở tổ chức lại các Tổng công ty và Công ty nhà nước.

đ) Tiếp tục cải cách tư pháp, xây dựng các cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh và nâng cao phẩm chất, năng lực, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ các cơ quan tư pháp.

- Tổ chức sắp xếp lại các cơ quan tư pháp theo chiến lược cải cách tư pháp đến

năm 2020 theo tinh thần Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị. Tiếp tục thực hiện thí điểm định chế thừa phát lại, đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác thi hành án và các hoạt động có liên quan.

- Nâng cao phẩm chất, năng lực, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ cơ quan tư pháp để đủ sức phát hiện, xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật các loại tội phạm và giải quyết các tranh chấp phát sinh trong xã hội, nhất là ở cơ sở.

3. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa thành phố:

a) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo chương trình đào tạo nguồn nhân lực của thành phố giai đoạn 2011 - 2015. Đổi mới nội dung và chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu vị trí công tác (về kiến thức, kỹ năng và thái độ hành vi ứng xử); gắn liền với nội dung cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Thực hiện chế độ đào tạo trước khi bổ nhiệm các chức vụ lãnh đạo trong bộ máy hành chính thành phố.

- Tổ chức học tập, quán triệt và có kế hoạch triển khai thực hiện Luật Cán bộ, công chức và các Nghị định của Chính phủ; từng bước nâng cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức.

- Đổi mới phương thức và nội dung các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo chức danh sát với thực tế, hướng vào các vấn đề thiết thực đặt ra từ quá trình thực thi công vụ. Thông qua đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng hành chính bảo đảm tính thống nhất trong hoạt động của cơ quan hành chính, nhất là trong giải quyết các yêu cầu của nhân dân, doanh nghiệp.

- Thực hiện cơ chế đào tạo tiền công vụ và đào tạo, bồi dưỡng trong công vụ theo định kỳ bắt buộc hàng năm; thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm.

b) Việc tuyển dụng cán bộ, công chức hành chính phải thực sự xuất phát từ yêu cầu công việc, theo tiêu chí công khai, trên cơ sở phân tích, đánh giá, dự báo nguồn nhân lực hiện tại và tương lai. Việc tuyển dụng gắn với tinh giản biên chế theo hướng đổi mới về chất, thay thế những người không đáp ứng được yêu cầu thực thi công vụ trong nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại.

- Xây dựng Đề án cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức ở các cơ quan hành chính và sự nghiệp của thành phố;

- Xây dựng Đề án tổ chức thực hiện thí điểm đổi mới cách tuyển chọn cán bộ vào các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng của quận - huyện, sở - ngành;

- Làm tốt công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch cán bộ, công chức; xây dựng chính sách đãi ngộ, khen thưởng, thu hút đối với cán bộ, chuyên gia có trình độ cao (trong và ngoài nước) có công trình ứng dụng có hiệu quả vào sự phát triển của thành phố;

c) Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và thẩm quyền giải quyết công việc của cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu xây dựng bộ máy chính quyền các cấp chuyên nghiệp để giải quyết công việc một cách nhanh, chủ động và từng bước chấm dứt tình trạng đùn đẩy trách nhiệm qua lại hoặc đẩy lên cấp trên.

d) Xây dựng tiêu chí, quy trình đánh giá cán bộ, công chức và chất lượng hoàn thành nhiệm vụ cụ thể, thống nhất, khoa học, khách quan nhằm động viên, khuyến khích, phát huy tối đa khả năng cống hiến, bộc lộ tiềm năng và góp phần cải thiện môi trường làm việc.

đ) Tăng cường kiểm tra, thanh tra công vụ, kiểm soát được các đầu mối công việc trong nội bộ các cơ quan hành chính để phát hiện kịp thời các nguy cơ dẫn đến tiêu cực, quan liêu và tham nhũng.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức; nhất là những loại công việc thường xuyên tiếp xúc với nhân dân và doanh nghiệp.

- Kiên quyết xử lý những hành vi kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ, gây phiền hà, những nhiễu, có thái độ cửa quyền, hống hách đối với nhân dân và doanh nghiệp. Hạn chế tối đa các oan sai và xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân trong quá trình thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; chấm dứt tình trạng tự đặt ra thủ tục phiền hà cho nhân dân và doanh nghiệp do công chức, viên chức thiếu tận tâm.

- Phát huy trách nhiệm người đứng đầu ở từng cấp, từng ngành; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện kiểm tra, thanh tra công vụ, kiểm soát được các đầu mối công việc trong nội bộ các cơ quan chuyên môn thành phố, Ủy ban nhân dân các cấp, kể cả trách nhiệm người đứng đầu nhằm ngăn chặn, phát hiện kịp thời các nguy cơ dẫn đến tiêu cực, quan liêu và tham nhũng

4. Đẩy mạnh cải cách tài chính công, đổi mới cơ chế hoạt động và quản lý

tài chính công tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; tiếp tục xã hội hóa một số lĩnh vực nhằm nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính cho tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân:

a) Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thay cho việc hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên để ngân sách thành phố tập trung phát triển các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm.

- Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ đối với cơ quan nhà nước; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

- Từng bước mở rộng, đa dạng hóa các loại hình cung ứng dịch vụ; bảo đảm chi tiêu hiệu quả, tiết kiệm, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, phân định rõ chức năng quản lý nhà nước và dịch vụ đối với các đơn vị sự nghiệp có thu.

b) Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất những chính sách và giải pháp nhằm thực hiện sâu rộng hơn chủ trương xã hội hóa trên những lĩnh vực thành phố có thể thực hiện (y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể dục thể thao, cơ sở hạ tầng đô thị...).

c) Thực hiện thí điểm cơ chế cấp ngân sách theo kết quả công việc đối với các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công theo Đề án của Chính phủ.

- Đẩy mạnh việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhất là trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, quản lý công sản.

- Thí điểm thực hiện chi ngân sách theo kết quả công việc. Xây dựng cơ chế, chính sách về quản lý tài chính, giá cả sát với tình hình kinh tế - xã hội của thành phố.

d) Từng bước mở rộng, đa dạng hóa các loại hình cung ứng dịch vụ; bảo đảm chi tiêu hiệu quả, tiết kiệm, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, phân định rõ chức năng quản lý nhà nước và dịch vụ đối với các đơn vị sự nghiệp có thu.

5. Hiện đại hóa nền hành chính, nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ tốt yêu cầu lãnh đạo và quản lý:

a) Thống nhất việc ứng dụng công nghệ thông tin từ thành phố đến phường - xã, thị trấn, nhằm phục vụ và giải quyết các công việc liên quan trực tiếp đến quyền lợi của nhân dân và doanh nghiệp theo quy định; giúp các cơ quan nhà nước xử lý công việc nhanh, chính xác; giúp lãnh đạo nắm thông tin kịp thời, kiểm tra công việc đã chỉ đạo.

- Hoàn thành hệ thống thông tin cấp cơ sở, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông và hoàn thiện, nâng cấp các ứng dụng cho 24 quận - huyện và các sở - ngành.

- Từng bước xây dựng hệ thống giao ban trực tuyến giữa Ủy ban nhân dân thành phố với các đơn vị; bảo đảm hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành, trao đổi thông tin thông suốt, kịp thời từ Ủy ban nhân dân thành phố đến các sở - ngành, quận - huyện; tiến đến xây dựng một hệ thống Chính quyền điện tử trên địa bàn thành phố hoạt động có hiệu quả.

b) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống “một cửa điện tử”, các hệ thống thông tin, điều hành kinh tế, văn hóa - xã hội, quản lý đô thị và khoa học - công nghệ; tạo luồng thông tin tự động.

- Tiếp tục mở rộng phạm vi kết nối với 24 quận - huyện và các sở, ban, ngành “Một cửa điện tử” cung cấp tình trạng giải quyết hồ sơ thành phố. Xây dựng bản đồ chia sẻ thông tin của các đơn vị sở - ngành, quận - huyện.

- Hoàn thiện hạ tầng truyền thông với dung lượng lớn, tốc độ và chất lượng cao, phục vụ tốt hơn công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp chính quyền thành phố và nhu cầu của người dân, doanh nghiệp, từng bước nâng cao chất lượng phục vụ và dịch vụ công trực tuyến.

c) Mở rộng áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 đến phường - xã, thị trấn; từng bước mở rộng liên thông, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước và cung cấp các dịch vụ công cho công dân, doanh nghiệp.

- Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và quận - huyện phấn đấu đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 xây dựng và áp dụng đối với toàn bộ hoạt động liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân và tổ chức.

- Khuyến khích Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo mô hình khung do nhà nước quy định.

d) Quy hoạch chuẩn hóa các công sở hành chính các cấp; khắc phục tình trạng một số trụ sở cơ quan hành chính nhất là cấp phường - xã, thị trấn chưa đáp ứng được yêu cầu hoạt động; trang bị phương tiện làm việc, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp đến liên hệ giải quyết công việc.

đ) Giải quyết tốt mối quan hệ giao dịch giữa các cơ quan hành chính với tổ chức, công dân và doanh nghiệp theo hướng xác định rõ quy trình giải quyết công

việc, cơ quan chủ trì và trách nhiệm cá nhân. Công khai tất cả biểu mẫu, thành phần hồ sơ được sử dụng thống nhất tại các cơ quan hành chính theo quy trình.

6. Về thực hành dân chủ trong bộ máy hành chính nhà nước:

a) Tiếp tục tuyên truyền rộng rãi giúp nhân dân hiểu rõ Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở là công cụ pháp lý quan trọng để thực hiện quyền làm chủ của mình và tham gia hỗ trợ chính quyền cơ sở thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước tại địa phương.

b) Tập trung chỉ đạo việc đổi mới lề lối làm việc, tiếp dân, giải quyết các công việc có liên quan đến quyền và lợi ích của nhân dân được giải quyết đúng quy định, chấm dứt tình trạng đùn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan chuyên môn và các cấp chính quyền thành phố.

c) Thực hiện việc công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước thành phố, quận - huyện, phường - xã, thị trấn; chú trọng quản lý chặt chẽ các quỹ đóng góp của nhân dân, kể cả việc quản lý các quỹ từ thiện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và cá nhân theo quy định của pháp luật.

d) Duy trì thực hiện chế độ khảo sát về sự hài lòng của nhân dân và doanh nghiệp đối với cơ quan quản lý nhà nước, qua đó kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, yếu kém của các sở - ngành, quận - huyện trong việc phục vụ nhân dân.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nhiệm vụ chủ yếu của Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy và phụ lục kèm theo những nhiệm vụ để triển khai thực hiện, Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức quán triệt và trực tiếp chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện của cơ quan, đơn vị và địa phương ngay trong quý I năm 2011 (tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện; định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết, báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Nội vụ).

2. Ngoài việc xây dựng kế hoạch thực hiện tại cơ quan, đơn vị, Thủ trưởng các sở - ngành sau đây có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện cải cách hành chính gắn với mục tiêu xây dựng mô hình chính quyền đô thị trên các lĩnh vực:

- Sở Tư pháp: cải cách thể chế; nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố; cải cách tư pháp;

- Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố: cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát và đơn giản hóa thủ tục hành chính;
- Sở Nội vụ: cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;
- Sở Tài chính: cải cách tài chính công; xã hội hóa dịch vụ công;
- Sở Khoa học và Công nghệ: áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước;
- Sở Thông tin và Truyền thông: thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính nhà nước;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư: công tác phân cấp; công tác đầu tư trụ sở cấp xã, phường bảo đảm yêu cầu cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước; phối hợp Ban Đổi mới Doanh nghiệp trong sắp xếp doanh nghiệp nhà nước.
- Viện Nghiên cứu phát triển thành phố: khảo sát chỉ số hài lòng của tổ chức và công dân về dịch vụ công.

3. Giao Sở Nội vụ là cơ quan thường trực, có nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ báo cáo và kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố các biện pháp cần thiết bảo đảm Kế hoạch được thực hiện hiệu quả và đồng bộ.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Kế hoạch, các sở - ngành, cơ quan thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện chủ động báo cáo trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2011/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội
Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình hỗ trợ chuyển dịch
cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế thành phố
giai đoạn 2011 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Chương trình hành động số 11-CTrHD/TU ngày 16 tháng 3 năm 2011 của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế thành phố giai đoạn 2011 - 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 9413/TTr-SKHĐT ngày 20 tháng 12 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế thành phố giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 2. Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Giám đốc các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp thuộc thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này xây dựng Chương trình kế hoạch, đề án cụ thể nhằm thực hiện đạt hiệu quả cao nhất các nội dung trọng tâm và những giải pháp chủ yếu của Chương trình; báo cáo kết quả thực hiện về Sở Kế hoạch và Đầu tư định kỳ hàng năm.

Điều 3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực phụ trách chương trình, có trách nhiệm tổng hợp báo cáo định kỳ hàng năm về kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc cần giải quyết và đề xuất điều chỉnh, bổ sung những nội dung, chỉ tiêu, giải pháp cụ thể cho Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp thuộc thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố
lần thứ IX về Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế,
chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế thành phố
giai đoạn 2011 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/2011/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Tập trung các nguồn lực đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nhanh các ngành, sản phẩm công nghiệp, dịch vụ có hàm lượng khoa học công nghệ cao, giá trị gia tăng cao; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái; đi đầu cả nước trong chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, đảm bảo chất lượng, hiệu quả cao, bền vững.

2. Chỉ tiêu cụ thể:

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GDP) bình quân hàng năm đạt 12%. Trong đó, giá trị sản phẩm công nghệ cao, dịch vụ công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt 40% trong tổng sản phẩm nội địa (GDP) của thành phố. Yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng đạt khoảng 40%.

- Đến cuối năm 2015, tỷ trọng ngành dịch vụ chiếm 57% GDP, công nghiệp 42% GDP, nông nghiệp 01% GDP.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng của ngành dịch vụ bình quân 13%/năm.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng của ngành công nghiệp bình quân 11%/năm.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp bình quân 5%/năm.

II. NHIỆM VỤ

Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng,

hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, các ngành, lĩnh vực, sản phẩm và doanh nghiệp; chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ phát triển theo chiều rộng dựa vào tăng vốn đầu tư, khai thác tài nguyên và nguồn lao động chất lượng thấp sang phát triển theo chiều sâu, lấy chất lượng tăng trưởng là động lực chủ yếu để phát triển các ngành, lĩnh vực trên cơ sở áp dụng những thành tựu mới về khoa học, công nghệ, ít gây ô nhiễm môi trường, nguồn nhân lực chất lượng cao và kỹ năng quản lý hiện đại, hướng tới phát triển kinh tế tri thức, tạo ra thế và lực mới để phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố.

Những nội dung nhiệm vụ và phân công cụ thể như sau:

1. Phát triển các ngành dịch vụ:

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng bình quân 13%/năm. Tập trung phát triển 9 nhóm ngành dịch vụ chủ yếu có tiềm năng và là thế mạnh của thành phố, bố trí và hình thành các trung tâm tổng hợp và chuyên ngành về thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế kỹ thuật cao, văn hóa, giải trí,... Thành phố phấn đấu trở thành trung tâm dịch vụ ở khu vực Đông Nam Á, đô thị trung tâm của Vùng thành phố Hồ Chí Minh, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Cụ thể như sau:

a) Lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm:

- Phối hợp với Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước xây dựng Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng; trong đó, đẩy mạnh phát triển sản phẩm tài chính, định chế tài chính và thị trường tài chính; từng bước hiện đại hóa hệ thống thanh toán, khuyến khích nhân dân và doanh nghiệp sử dụng hệ thống tài khoản và các loại thẻ điện tử để thanh toán trong giao dịch.

- Khẩn trương hoàn tất và triển khai Đề án xây dựng “Trung tâm tài chính thành phố Hồ Chí Minh” để đẩy mạnh phát triển sản phẩm tài chính, định chế tài chính và thị trường tài chính.

- Tổ chức đánh giá tác động gia nhập WTO đối với hoạt động ngân hàng và thị trường chứng khoán trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nhằm đưa ra định hướng và giải pháp phù hợp với tình hình và yêu cầu thực tế để hoạt động ngân hàng và thị trường chứng khoán trên địa bàn phát triển bền vững, từng bước tham gia thị trường vốn quốc tế, chú trọng phát triển hệ thống tài chính phi ngân hàng (thị trường chứng khoán, các loại quỹ, công ty đầu tư tài chính...);

- Nghiên cứu, đề xuất và kiến nghị Chính phủ các giải pháp, chính sách về phát triển các tổ chức bảo hiểm.

b) Lĩnh vực thương mại:

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các nội dung cụ thể của các chương trình, đề án đã được hoàn thành trong giai đoạn 2006 - 2010 gồm: Chương trình chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu; đề án xây dựng kênh phân phối bán buôn, bán lẻ; đề án phát triển hệ thống thương mại điện tử,... nhằm đảm bảo đẩy mạnh hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu của thành phố; đảm bảo đa dạng hóa về quy mô, loại hình doanh nghiệp, hình thức sở hữu và thành phần kinh tế hoạt động trong lĩnh vực thương mại; đổi mới phương thức tổ chức phân phối, kinh doanh theo hướng chuyên nghiệp, văn minh, hiện đại.

- Khẩn trương hoàn thiện đề án thành lập Trung tâm (Sở) giao dịch hàng hóa.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách đẩy mạnh việc thu hút đầu tư dự án Trung tâm thương mại quốc tế ở bán đảo Thủ Thiêm để tạo điều kiện phát triển các trung tâm hội chợ, triển lãm tầm cỡ khu vực, trung tâm thương mại quốc tế.

- Hoàn chỉnh cơ chế, chính sách về bình ổn giá và triển khai đề án chiến lược tạo nguồn hàng thiết yếu đảm bảo cân đối cung cầu, bình ổn thị trường thành phố giai đoạn 2011 - 2015; phát triển mạnh hệ thống phân phối, mạng lưới bán lẻ hướng đến phục vụ trực tiếp người tiêu dùng tại các khu vực dân cư, địa phương trọng điểm (Ký túc xá sinh viên, khu lưu trú công nhân...) và vùng nông thôn ngoại thành.

- Nghiên cứu xây dựng và ban hành chính sách phát triển khu vực kinh tế Nhà nước, kinh tế tập thể để giữ vững vai trò nòng cốt trong định hướng phát triển sản xuất - kinh doanh, bình ổn thị trường.

c) Lĩnh vực du lịch:

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung cụ thể của chương trình, đề án đã được hoàn thành trong giai đoạn 2006 - 2010 gồm: Chương trình phát triển du lịch trên địa bàn thành phố giai đoạn 2007 - 2010 và những năm kế tiếp được ban hành theo Quyết định số 06/2008/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố; Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành du lịch trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010 được ban hành kèm theo Quyết định số 43/2008/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Xây dựng Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành du lịch trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015; trong đó chú trọng nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu du lịch của thành phố; xây dựng sản phẩm du lịch

của thành phố có lợi thế cạnh tranh; đề xuất cơ chế, chính sách để quản lý và phát triển hệ thống khách sạn đạt chuẩn quốc tế.

- Tổ chức phối hợp và liên kết với các tỉnh trong Vùng nhằm xây dựng, phát triển các khu vực, chương trình du lịch đạt tiêu chuẩn quốc tế; tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, hệ thống khách sạn đạt chuẩn quốc tế.

- Tăng cường công tác quảng bá xúc tiến vào các thị trường trọng điểm, gắn với mở rộng hợp tác liên kết, kêu gọi đầu tư, đào tạo nguồn nhân lực cho ngành du lịch.

d) Lĩnh vực dịch vụ vận tải, cảng và kho bãi:

- Nghiên cứu xây dựng đề án Quy hoạch xây dựng hệ thống kho, bãi hiện đại, đáp ứng nhu cầu trung tâm vận tải đường bộ, đường không, đường sắt, đường sông, đường biển nhằm đảm bảo thực hiện tốt vai trò đầu mối trung chuyển hàng hóa cho Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và xuất nhập khẩu hàng hóa cho cả nước, quốc tế.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện đề án Xây dựng Trung tâm cung ứng Logistics trọn gói cho các doanh nghiệp thành phố; trong đó tập trung mở rộng nghiên cứu và đề xuất giải pháp về xây dựng, phát triển hệ thống logistics trên địa bàn thành phố góp phần cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố.

- Hoàn thành chương trình di dời hệ thống cảng ra khỏi khu vực trung tâm thành phố theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Khẩn trương hoàn thiện hệ thống hạ tầng, đưa vào khai thác sử dụng cụm Cảng Hiệp Phước; nâng công suất Cảng Cát Lái để phát huy lợi thế đầu mối giao thương khu vực và quốc tế.

- Đẩy nhanh phát triển các phương tiện vận tải công cộng và tiến độ đầu tư xây dựng các phương tiện vận chuyển công cộng có sức chở lớn như: các tuyến Metro số 1, số 2, số 3a, số 3b, số 4,....

- Hoàn thiện việc nghiên cứu và triển khai thực hiện các tuyến vận tải công cộng bằng đường thủy nội địa phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách, vận tải hàng hóa và du lịch sông nước trên địa bàn thành phố.

- Tập trung tháo gỡ khó khăn về vốn, công tác giải phóng mặt bằng... triển khai nhanh dự án Khu đô thị Cảng Hiệp Phước theo đúng tiến độ và quy hoạch đã được phê duyệt.

đ) Lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông:

- Tập trung phát triển ngành thông tin - truyền thông theo hướng ứng dụng công nghệ hiện đại, phát triển dịch vụ gia công, xử lý, quản lý dữ liệu từ xa cho các khách hàng trong nước và quốc tế.

- Kết cấu hạ tầng giữa dịch vụ viễn thông - tin học - truyền thông; phát triển dịch vụ đa chức năng, tạo tiền đề về cơ sở hạ tầng phục vụ các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2011 - 2015 và những năm tiếp theo.

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện Chương trình phát triển các dịch vụ kinh doanh trực tuyến; xây dựng kế hoạch, chương trình dự án thực hiện phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015 có tầm nhìn đến năm 2020.

- Triển khai đề án đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông theo Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

e) Lĩnh vực kinh doanh bất động sản:

- Đẩy mạnh triển khai chương trình nhà ở trên địa bàn thành phố, nghiên cứu, đề xuất các giải pháp để triển khai có hiệu quả chương trình cho phù hợp với thời kỳ mới.

- Nghiên cứu triển khai đề án bảo đảm phát triển thị trường bất động sản theo đúng định hướng, lành mạnh, an toàn; đẩy mạnh hoạt động quản lý các sàn giao dịch bất động sản cũng như các dịch vụ mua bán, cho thuê nhà ở, văn phòng, dịch vụ nhà, đất qua sàn giao dịch.

- Tăng cường quản lý thực hiện các chính sách về đất, nhà ở và các giải pháp về tài chính để thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển, gắn với việc thu hút đầu tư và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình nhà ở, công trình xây dựng các Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Khu Tây Bắc Củ Chi, Khu đô thị Nam thành phố, Khu đô thị Cảng Hiệp Phước...

- Nhanh chóng hoàn thiện quy chế về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các khu đất trên địa bàn thành phố.

g) Lĩnh vực dịch vụ tư vấn, khoa học - công nghệ:

- Xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện thúc đẩy các dịch vụ khoa học - công nghệ và tư vấn, nhằm tạo bước phát triển đột phá trên một số lĩnh vực như: chuyển giao công nghệ, phát triển các sản phẩm ứng dụng công nghệ cao, sở hữu trí

tuệ, kiểm toán, dịch vụ tư vấn, bảo hiểm...; khuyến khích, hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng vào sản xuất.

- Triển khai thực hiện các nội dung, chương trình về ứng dụng, phát triển khoa học công nghệ và dịch vụ khoa học công nghệ bao gồm:

+ Chương trình đổi mới công nghệ và nâng cao năng suất, chất lượng của các ngành kinh tế chủ lực của thành phố bao gồm các nội dung về: đổi mới công nghệ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn thành phố; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng của các ngành kinh tế chủ lực.

+ Chương trình nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn về mô hình tăng trưởng và phát triển bền vững trong phát triển khoa học công nghệ.

+ Triển khai nhóm chương trình nghiên cứu, hình thành và phát triển Khoa học Dịch vụ tại thành phố Hồ Chí Minh nhằm hỗ trợ các ngành dịch vụ thành phố phát triển dựa trên nền tảng ứng dụng các công nghệ quản lý tiên tiến, bao gồm: đề án hình thành và phát triển Khoa học Dịch vụ tại thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015; nhóm các đề án về nâng cao năng lực và chất lượng dịch vụ kiểm định và thử nghiệm phục vụ công tác quản lý đo lường chất lượng sản phẩm hàng hóa; nhóm đề án về phát triển thị trường công nghệ và dịch vụ tư vấn khoa học công nghệ.

h) Lĩnh vực y tế:

- Nghiên cứu xây dựng một số trung tâm y tế - sinh thái kết hợp khám chữa bệnh và nghỉ dưỡng.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các chương trình đề án còn chưa hoàn thiện trong giai đoạn 2006 - 2010, gồm:

+ Xây dựng 05 khu điều trị kỹ thuật cao, hiện đại ngang tầm các nước trong khu vực, gồm: 1 khu trung tâm là các bệnh viện thành phố hiện nay và 04 khu cửa ngõ vào trung tâm thành phố: (1) Bình Chánh, Bình Tân, quận 8; (2) Thủ Đức, quận 9, quận 2; (3) Củ Chi, Hóc Môn, quận 12; (4) Cần Giờ, Nhà Bè, quận 7.

+ Xây dựng Viện Trường ở Củ Chi tại xã Phước Hiệp phục vụ lâu dài cho đào tạo cán bộ y tế cho ngành y tế của thành phố.

+ Xây dựng khu xét nghiệm kỹ thuật cao cho hệ dự phòng ở Khu Nam thành phố.

- Tập trung nghiên cứu thực hiện các chương trình, đề án nhằm đạt được nhiệm vụ đã đề ra trong lĩnh vực y tế gồm:

- + Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực y tế; nghiên cứu thí điểm mô hình bệnh viện cổ phần.
- + Xây dựng mô hình liên kết trong đào tạo: Bệnh viện - Trường Đại học Y, Dược;
- + Triển khai chương trình quy hoạch đào tạo cán bộ y tế;
- + Chương trình thành lập phòng khám, chăm sóc “Sức khỏe sinh sản - Kế hoạch hóa gia đình” giai đoạn 2011 - 2015; tư vấn kiểm tra sức khỏe tiền hôn nhân;
- + Chương trình củng cố và tăng cường phát triển mạng lưới y tế cơ sở và hệ thống dự phòng thành phố;
- + Xây dựng mạng lưới cấp cứu ngoại viện thành phố Hồ Chí Minh;
- + Chương trình phát triển ngành y dược học cổ truyền đến năm 2020;
- + Chương trình sắp xếp hệ thống khám chữa bệnh và hệ thống y tế dự phòng;
- + Một số giải pháp để kiện toàn quản lý nhà nước về dược và mỹ phẩm trên địa bàn;
- + Chương trình hành động Vệ sinh an toàn thực phẩm thành phố;
- + Thí điểm quản lý thực phẩm theo mô hình “Chuỗi thực phẩm an toàn, giai đoạn 2011 - 2015”.

i) Lĩnh vực giáo dục - đào tạo:

- Tiếp tục triển khai Chương trình đào tạo lao động kỹ thuật; trong đó chú trọng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ các ngành khoa học - công nghệ cao, các ngành quản lý, quản trị kinh doanh theo nhu cầu của thị trường, đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố.

- Đẩy mạnh triển khai công tác xã hội hóa giáo dục - đào tạo; khuyến khích các trường, cơ sở giáo dục quốc tế có uy tín, thương hiệu thành lập chi nhánh tại thành phố theo quy hoạch.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các cơ sở giáo dục - đào tạo có yếu tố nước ngoài theo đúng quy định.

2. Phát triển các ngành công nghiệp:

Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng khu vực công nghiệp - xây dựng bình quân 11%/năm, giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 13%/năm; trong đó,

ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học và công nghệ cao, công nghiệp sạch, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng suất lao động cao, hàm lượng giá trị gia tăng lớn, các ngành công nghệ sinh học và công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

Tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp theo hướng tăng nhanh tỷ trọng 4 ngành công nghiệp trọng yếu (điện tử - công nghệ thông tin, cơ khí chế tạo, hóa chất - nhựa cao su, chế biến tinh lương thực - thực phẩm) và phát triển công nghiệp hỗ trợ để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

a) Ngành cơ khí:

- Máy công cụ (máy cắt gọt kim loại, máy rèn dập, máy chế biến gỗ, nhựa): Ưu tiên phát triển ngành chế tạo máy công cụ nhằm đáp ứng nhu cầu trang bị máy móc, thiết bị của các doanh nghiệp trong nước, máy móc phục vụ nông lâm ngư nghiệp. Đẩy mạnh nghiên cứu thiết kế, chế tạo các mẫu máy hiện đại; đẩy mạnh chương trình hiện đại hóa theo hướng điện tử - tin học hóa dần máy công cụ hiện có trong các cơ sở công nghiệp.

- Ngành cơ khí ô tô (ô tô 4 chỗ, xe mini buýt, xe buýt, ô tô tải, xe chuyên dùng): Phát triển ngành công nghiệp ô tô trên cơ sở tiếp thu và ứng dụng công nghệ tiên tiến của thế giới, kết hợp với khai thác và từng bước nâng cao công nghệ và thiết bị hiện có, đáp ứng phần lớn nhu cầu thị trường ô tô trong nước (đối với các loại ô tô thông dụng và chuyên dùng có giá cạnh tranh và phù hợp với các điều kiện cụ thể của thành phố), tập trung sản xuất động cơ ô tô đạt tỷ lệ nội địa hóa phù hợp, đặc biệt chú trọng đầu tư sản xuất linh kiện động cơ và hộp số.

- Máy động lực (động cơ diesel, động cơ xăng công suất nhỏ), máy móc thiết bị điện: đầu tư chiều sâu, hiện đại hóa thiết bị và công nghệ, nâng cao năng lực chế tạo máy động lực, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm; đáp ứng phần lớn nhu cầu trong nước, thay thế thiết bị nhập khẩu, từng bước xuất khẩu sản phẩm ra thị trường khu vực và thế giới.

- Khuyến khích các ngành cơ khí trọng điểm trong chương trình kích cầu của thành phố: tấm panel pin mặt trời; sản xuất các loại máy móc, thiết bị thế hệ mới hoặc sử dụng công nghệ mới được điện tử hóa, tự động hóa, điều khiển theo các chương trình máy tính được tiêu thụ trong nước; robot công nghiệp; sản xuất các sản phẩm cơ khí chính xác, máy móc thiết bị kiểm tra an toàn trong quá trình sản xuất công nghiệp; cơ khí làm khuôn mẫu phục vụ sản xuất công - nông nghiệp; sản xuất trang thiết bị y tế phục vụ chẩn đoán, điều trị và nghiên cứu thí nghiệm.

b) Ngành điện tử - công nghệ thông tin - công nghiệp nội dung số:

- Khai thác có hiệu quả các khu trung tâm phần mềm hiện nay trên địa bàn thành phố như: Trung tâm Công nghệ Phần mềm Sài Gòn (SSP), Công viên Phần mềm Quang Trung (QTSC), Khu Công nghệ Phần mềm Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, các Tòa nhà E-Town của Công ty cổ phần cơ điện lạnh REE; phối hợp với Ban Quản lý Khu đô thị mới Thủ Thiêm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Công viên Phần mềm Thủ Thiêm; nghiên cứu, đề xuất địa điểm để thực hiện đầu tư khu Công viên Phần mềm Quang Trung thứ 2; xây dựng chính sách để khuyến khích các nhà đầu tư tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng các khu sản xuất phần mềm tập trung, trong đó bao gồm cả các chính sách về hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực.

- Tiếp tục triển khai các nội dung cụ thể của đề án phát triển ngành công nghệ thông tin; tổ chức nghiên cứu, bổ sung nội dung phát triển ngành điện tử, ngành công nghiệp nội dung số và các nội dung, sản phẩm mới trong lĩnh vực công nghệ thông tin cần tiếp tục ưu tiên đầu tư để phù hợp với nhu cầu thực tế và xu hướng phát triển của kinh tế thành phố. Cụ thể:

+ Công nghiệp phần mềm: Đẩy mạnh sản xuất, gia công phần mềm phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu; tiếp tục quy hoạch, mở rộng quy mô để triển khai các dự án sản xuất điện tử - tin học, phần mềm, đẩy mạnh phát triển một số trung tâm và công viên phần mềm tập trung.

+ Điện tử - Công nghệ thông tin: Tập trung ưu tiên đầu tư phát triển các linh kiện, phụ tùng, các sản phẩm điện tử gia dụng và công nghiệp, điện tử viễn thông, máy tính, các dịch vụ điện tử - tin học, dịch vụ trực tuyến và đa truyền thông; đẩy mạnh thu hút đầu tư và khuyến khích đầu tư sản xuất chất bán dẫn, đầu tư nhà máy sản xuất chip điện tử sử dụng cho các loại thẻ (ngân hàng, sim điện thoại, thẻ cá nhân,...) thông dụng. Đồng thời, thành phố cũng khuyến khích phát triển công nghiệp sản xuất, xuất khẩu một số linh kiện máy tính, điện tử,... tham gia chuỗi sản xuất toàn cầu.

+ Công nghiệp nội dung số: nghiên cứu, phát triển nhanh một số lĩnh vực, sản phẩm phù hợp với tiềm năng và lợi thế của thành phố, tập trung xây dựng ngành công nghiệp nội dung số thành một ngành kinh tế quan trọng trong cơ cấu kinh tế thành phố. Tập trung phát triển 04 lĩnh vực đem lại doanh số lớn là: nội dung cho mạng di động, trò chơi điện tử, quảng cáo nội dung cho Internet và thương mại điện tử.

c) Ngành hóa chất - nhựa - cao su:

- Tiếp tục triển khai các nội dung cụ thể của đề án phát triển ngành hóa chất đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2436/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2007; tổ chức nghiên cứu, bổ sung nội dung phát triển của ngành hóa chất - nhựa - cao su cần tiếp tục ưu tiên đầu tư để phù hợp với nhu cầu thực tế và xu hướng phát triển của kinh tế thành phố.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp hóa dược tại Phước Hiệp (huyện Củ Chi) để kêu gọi đầu tư một số nhà máy sản xuất thuốc chữa bệnh đáp ứng nhu cầu của thành phố, cả nước và hướng tới xuất khẩu.

- Phát triển công nghiệp sản xuất dược liệu, bào chế thuốc..., ưu tiên phát triển sản xuất các loại thuốc sử dụng nguyên liệu từ thiên nhiên sẵn có tại Việt Nam; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ lĩnh vực hóa dược, lĩnh vực công nghiệp chế biến thực phẩm (men vi sinh) và lĩnh vực nông nghiệp (phân bón vi sinh, thuốc trừ sâu vi sinh); có chính sách hỗ trợ phát triển các Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng khoa học cho hoạt động chiết tách, bào chế thuốc từ nguồn nguyên liệu tự nhiên.

- Ngành hóa chất nhựa và cao su kỹ thuật cao: tập trung các loại sản phẩm như săm lốp ô tô, xe máy và các sản phẩm cao su kỹ thuật cao, bao bì các loại, vật liệu xây dựng,...; việc đầu tư phát triển phải đảm bảo ứng dụng Tập trung nghiên cứu, ứng dụng để sản xuất các vật liệu mới như: sản xuất các sản phẩm, vật liệu từ composit; vật liệu mới có chất lượng cao; hợp chất bán dẫn vi mạch;

- Khuyến khích đổi mới công nghệ để sản xuất phân bón, đặc biệt công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ sinh học từ rác.

d) Ngành chế biến tinh lương thực - thực phẩm:

- Tập trung đầu tư chiều sâu nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; trong đó chú trọng đến việc thực hiện tinh chế nông sản dựa trên việc sử dụng công nghệ hiện đại và ứng dụng công nghệ sinh học. Các ngành sản phẩm chủ yếu tiếp tục tập trung vào công nghiệp rượu bia, nước giải khát; chế biến sữa; chế biến thịt, thủy hải sản; chế biến dầu thực vật; chế biến bánh kẹo, thức ăn nhanh.

- Khuyến khích các doanh nghiệp có thế mạnh của thành phố đầu tư phát triển mạnh các khâu nghiên cứu phát triển sản phẩm, hỗ trợ kiểm tra và chứng nhận chất lượng sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu có sức cạnh tranh mạnh trên thị trường cả nước và khu vực.

đ) Bên cạnh các ngành công nghiệp trọng yếu, công nghiệp - xây dựng thành phố cũng duy trì phát triển một số ngành, sản phẩm như:

- Sản phẩm công nghiệp truyền thống: may mặc, giày da, chế biến gỗ phục vụ nhu cầu trong nước và mở rộng xuất khẩu. Đồng thời lựa chọn một số công đoạn có giá trị gia tăng cao trong các ngành công nghiệp khác để đầu tư, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu các sản phẩm công nghiệp như: công nghiệp thời trang ngành dệt may; các công đoạn thiết kế, tiếp thị, phân phối... trong các ngành công nghiệp khác.

- Chú trọng đầu tư hiện đại hóa ngành xây dựng sử dụng công nghệ và thiết bị mới, hiện đại trong thiết kế - thi công xây lắp, sử dụng vật liệu mới, tiết kiệm năng lượng; nâng tốc độ tăng trưởng ngành xây dựng cao hơn tốc độ tăng trưởng của các ngành công nghiệp; có cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng phát triển, xây dựng thương hiệu mạnh, có uy tín, nâng cao năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực xây lắp ngang tầm các nước trong khu vực.

- Phát triển các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn nhằm làm thay đổi cơ cấu kinh tế và văn hóa xã hội của nông thôn, góp phần bảo đảm an ninh lương thực cho thành phố và cho các vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; bảo đảm sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thành phố.

3. Phát triển ngành nông nghiệp:

Phân đầu tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng bình quân 5%/năm, giá trị sản xuất tăng bình quân 6%/năm. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiện đại, hiệu quả, bền vững; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thủy sản theo hướng gắn liền với đặc trưng của một đô thị lớn là nông nghiệp sạch, không gây ô nhiễm môi trường, ứng dụng công nghệ cao, kết hợp xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2006 - 2010; nghiên cứu, xây dựng và đề xuất triển khai thực hiện Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2015;

- Triển khai các chương trình, đề án gồm: Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Thành ủy về nông nghiệp - nông dân - nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020; chương trình nâng cao năng lực quản lý, gây nuôi động vật hoang dã; chương trình khuyến nông, khuyến ngư, chuyển giao công nghệ, giống mới trong nông nghiệp; đề án Phát triển sản xuất nông nghiệp góp phần nâng cao thu nhập của nông dân; đề án ứng phó biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; dự án đầu tư trại thực nghiệm chăn nuôi bò sữa công nghệ cao; đề án nâng cao chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm đối với nông sản thực phẩm;

- Tăng cường quản lý nhà nước, công tác kiểm tra, kiểm soát, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm có nguồn gốc động vật, thực vật, thủy sản; công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng, chống cháy rừng, động vật hoang dã...

- Hoàn thiện chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chương trình phát triển rau an toàn, bò sữa, thủy sản, hoa - cây cảnh - cá kiểng, cá sấu...; triển khai đề án nâng cao chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm đối với nông sản thực phẩm; đề án giám sát dịch tễ; chú trọng bảo vệ và phát triển các loại rừng, cây xanh; chương trình khuyến nông, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ cho các hộ sản xuất nông nghiệp, các doanh nghiệp, trang trại để tăng năng suất lao động, hiệu quả đầu tư trên một đơn vị diện tích đất sản xuất nông nghiệp.

- Liên kết với các tỉnh trong vùng để xây dựng các vùng nguyên liệu nhằm cung cấp cho ngành công nghiệp chế biến của thành phố. Điều chỉnh quy hoạch và mục đích sử dụng đất nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế đất, góp phần tăng năng suất lao động và thu nhập lao động nông nghiệp.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 26 tháng 10 năm 2007 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về chiến lược biển Việt Nam trên địa bàn thành phố.

- Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư một số dự án trọng điểm trong lĩnh vực nông nghiệp của các đơn vị thành viên bao gồm: đẩy nhanh việc hoàn thiện đầu tư và thu hút đầu tư vào Khu Nông nghiệp công nghệ cao, nghiên cứu đề xuất việc triển khai đầu tư các khu nông nghiệp công nghệ cao tiếp theo; đẩy mạnh tiến độ triển khai dự án Trung tâm thủy sản thành phố, dự án Trung tâm giao dịch - triển lãm nông sản thành phố.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư dự án Trung tâm công nghệ sinh học thành phố.

III. GIẢI PHÁP

Để hỗ trợ hoàn thành các nhiệm vụ nêu trên, cần tập trung triển khai các nhóm giải pháp chính như sau:

1. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện các loại quy hoạch (quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch các ngành kinh tế, kỹ thuật, quy hoạch xây dựng, quy hoạch phát triển giao thông ...), gắn với quy hoạch Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Vùng Đông Nam Bộ đáp ứng yêu cầu điều chỉnh quy hoạch không gian đô thị, xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng liên vùng; phân bổ lực lượng sản xuất, phân công lao động xã hội, bố trí dân cư toàn Vùng phù hợp định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Chủ động phối hợp với các Bộ - ngành Trung ương và các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam thực hiện thống nhất quy hoạch phát triển kinh tế, tạo sự đồng bộ trong phát triển kết cấu hạ tầng, bảo vệ môi trường, đào tạo nguồn nhân lực, cơ chế, chính sách đầu tư chung, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế toàn Vùng, xây dựng vùng nguyên liệu, vùng công nghiệp hỗ trợ để gắn kết với thành phố Hồ Chí Minh. Phát triển thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm công nghệ cao của khu vực với các vệ tinh cung cấp các sản phẩm hỗ trợ từ các tỉnh thành lân cận.

2. Tập trung triển khai thực hiện nhanh và có hiệu quả các nhiệm vụ cụ thể được nêu ra tại Mục II Kế hoạch này và các chương trình, đề án phục vụ cho việc thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo nhiệm vụ đã đề ra, bao gồm:

- Các chương trình, đề án đã ban hành trong giai đoạn 2006 - 2010 nay cần tiếp tục triển khai thực hiện: chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm.

- Các chương trình, đề án bổ sung mới: chi tiết theo phụ lục 2 đính kèm.

3. Đẩy mạnh các chính sách hỗ trợ, khuyến khích nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ vào sản xuất, đời sống, tăng cường chuyển giao công nghệ tiên tiến từ nước ngoài, đổi mới công nghệ thiết bị, nhằm nâng cao hiệu quả cạnh tranh của nền kinh tế; có giải pháp nâng cao năng lực hoạt động và sức cạnh tranh của các tổng công ty trực thuộc để đảm bảo vai trò nòng cốt trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố.

4. Tổ chức thực hiện các chuyên đề nghiên cứu chung về vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố và vấn đề tái cấu trúc nền kinh tế thành phố. Cụ thể bao gồm: đề án "Tái cấu trúc nền kinh tế thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 -

2020”; đề án “Đánh giá chất lượng tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng phát triển giai đoạn 2011 - 2015”.

5. Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 20/2009/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về thực hiện các dự án đầu tư trong nước thuộc Chương trình kích cầu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ chế sử dụng công cụ tài chính này làm đòn bẩy để hỗ trợ, thúc đẩy các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố thực hiện đầu tư đổi mới trang thiết bị, mở rộng sản xuất theo đúng định hướng đã đề ra của thành phố, góp phần vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn thành phố.

6. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách xây dựng môi trường đầu tư thông thoáng, bình đẳng; trong đó, tập trung rà soát, bãi bỏ những thủ tục không cần thiết, nhất là trong lĩnh vực đầu tư, đăng ký kinh doanh, thuế, hải quan và các dịch vụ hành chính; công khai, minh bạch quy trình, thủ tục, chuẩn hóa mô hình áp dụng cơ chế “một cửa liên thông”, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan hành chính các cấp để giảm phiền hà cho tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân.

7. Tập trung phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội thành phố trong giai đoạn mới; trong đó, ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ nhu cầu phát triển thành phố và khu vực phía Nam, đặc biệt là nguồn nhân lực cho các lĩnh vực, các ngành kinh tế mũi nhọn (công nghiệp điện tử, sản xuất phần mềm, công nghiệp nội dung số, tin học và tự động hóa ...); mở rộng quy mô, phương thức đào tạo nguồn nhân lực, chú trọng đào tạo công nhân tay nghề cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao cho các sở - ban - ngành có liên quan chịu trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ, chương trình, đề án cụ thể được quy định tại Mục II và tại phụ lục 1 và phụ lục 2 đính kèm theo Kế hoạch này.

2. Các sở - ban - ngành liên quan có trách nhiệm khẩn trương dự trù kinh phí thực hiện các chương trình cụ thể để đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố thông qua.

3. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện căn cứ Chương trình hành động của Thành ủy và các nội dung nhiệm vụ nêu trên, xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn cho phù hợp với điều kiện cụ thể của từng quận - huyện và chủ động tổ chức thực hiện để đạt hiệu quả cao nhất.

4. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện và các doanh nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm phối hợp với các Sở - ngành thực hiện thành công chương trình này.

5. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm làm đầu mối điều phối hoạt động chung của cả Chương trình; theo dõi tiến độ, phát hiện khó khăn, vướng mắc để giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết; hàng năm sơ kết kết quả thực hiện Chương trình, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố các nội dung điều chỉnh, bổ sung./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

PHỤ LỤC 1

Các chương trình Đề án của giai đoạn 2006 - 2010 nay tiếp tục triển khai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)

| STT | Tên đề án | Đơn vị chủ trì triển khai | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Thời gian hoàn thành |
|-----------------------------|---|--------------------------------------|--|--|----------------------|
| I. Ngành dịch vụ | | | | | |
| Lĩnh vực tài chính: | | | | | |
| 1 | Đề án xây dựng “Trung tâm tài chính thành phố Hồ Chí Minh” | Viện Nghiên cứu phát triển thành phố | Sở Tài chính và các Sở - ngành liên quan | Đề án, chương trình hành động, đề xuất chính sách | Quý II/2011 |
| 2 | Đề án thành lập Trung tâm (Sở) giao dịch hàng hóa | Viện Nghiên cứu phát triển thành phố | Sở Công Thương và các Sở - ngành liên quan | Đề án và đề xuất kế hoạch triển khai cụ thể | Quý IV/2011 |
| Lĩnh vực thương mại: | | | | | |
| 3 | Đề án Xây dựng và triển khai chương trình chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu thời kỳ 2006-2010; đề án xây dựng kênh phân phối bán buôn, bán lẻ; đề án phát triển hệ thống thương mại điện tử | Sở Công Thương | Các Sở - ngành liên quan | Triển khai có hiệu quả các nội dung của đề án, các chương trình nhánh của đề án | Giai đoạn 2011-2015 |
| 4 | Về việc chuẩn bị và kêu gọi đầu tư dự án Trung tâm thương mại quốc tế ở bán đảo Thủ Thiêm | Ban Quản lý Khu Đô thị mới Thủ Thiêm | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư thành phố, Sở Công Thương, Sở Tài chính | Thu hút được nhà đầu tư có năng lực để triển khai có hiệu quả dự án Trung tâm thương mại quốc tế ở bán đảo Thủ Thiêm | Năm 2011 |

| Lĩnh vực dịch vụ vận tải, kho bãi: | | | | | |
|--|---|--------------------------------------|---|--|---------------------|
| 5 | Dự án “Khu đô thị Cảng Hiệp Phước” | Ban Quản lý Khu đô thị Nam thành phố | Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường và Công ty Phát triển công nghiệp Tân Thuận | Triển khai hoàn thành dự án theo mục tiêu đã đề ra | Năm 2013 |
| 6 | Chương trình di dời hệ thống cảng ra khỏi nội thành | Sở Giao thông vận tải | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan | Hoàn thành việc di dời hệ thống cảng ra khỏi nội thành | |
| Lĩnh vực dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin: | | | | | |
| 7 | Khuyến khích các thành phần kinh tế xây dựng mới một số e-towns | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở Quy hoạch-Kiến trúc, Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân các quận - huyện | Xác định vị trí để quy hoạch tiếp các khu công viên phần mềm; đề xuất các cơ chế, chính sách để khuyến khích các thành phần kinh tế xây dựng mới các khu e-towns | Quý II/2012 |
| 8 | Chương trình phát triển các dịch vụ kinh doanh trực tuyến | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở Công Thương và các Sở - ngành có liên quan | Hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể của chương trình và đề xuất các giải pháp triển khai tiếp theo | Giai đoạn 2011-2015 |
| Lĩnh vực Bất động sản: | | | | | |
| 9 | Dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm | Ban Quản lý Khu đô thị mới Thủ Thiêm | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân quận 2 và các Sở - ngành có liên quan | Triển khai đầu tư xong Khu đô thị mới Thủ Thiêm | |

| | | | | | |
|---|---|---|--|---|---------------------|
| 10 | Dự án Khu đô thị mới Nam thành phố | Ban Quản lý Khu Nam | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân quận 2 và các Sở - ngành có liên quan | Tiếp tục triển khai đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu Nam và thu hút đầu tư | |
| Về dịch vụ tư vấn, khoa học, công nghệ nghiên cứu và triển khai: | | | | | |
| 11 | Dự án đầu tư Trung tâm thiết kế chế tạo thiết bị mới (NEPTECH) | Sở Khoa học và Công nghệ và Trung tâm NEPTECH | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các Sở - ngành có liên quan | Đầu tư xong Trung tâm thiết kế chế tạo thiết bị mới (NEPTECH) và triển khai các hoạt động cụ thể | Trong năm 2011 |
| 12 | Dịch vụ tư vấn khoa học công nghệ, nghiên cứu-triển khai | Sở Khoa học và Công nghệ | Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, các đơn vị trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan | Hoàn thành dự án đầu tư xây dựng Trung Tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ khu vực phía Nam; đẩy mạnh hoạt động có hiệu quả của Phòng thí nghiệm phân tích chất lượng cao; Quỹ đầu tư mạo hiểm; Chương trình Vườn ươm Doanh nghiệp Khoa học-Công nghệ | Giai đoạn 2011-2015 |
| Lĩnh vực du lịch: | | | | | |
| 13 | Chương trình phát triển du lịch trên địa bàn thành phố giai đoạn 2007-2010 và những năm kế tiếp | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các Sở - ngành có liên quan | Triển khai các nội dung cụ thể của chương trình đã được phê duyệt; đề xuất bổ sung các cơ chế, chính sách và nội dung mới có liên quan để thực hiện trong giai đoạn 2011 - 2015 | Giai đoạn 2011-2015 |

| | | | | | |
|-----------------------|---|---------------------------------|--|---|---------------------|
| 14 | Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành du lịch trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006-2010 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các Sở - ngành có liên quan | | |
| Lĩnh vực y tế: | | | | | |
| 15 | Đề án xây dựng 05 khu điều trị kỹ thuật cao gồm: khu trung tâm là các bệnh viện thành phố hiện nay và 04 khu cửa ngõ vào trung tâm thành phố (khu Bình Chánh, Bình Tân, quận 8; khu Thủ Đức, quận 9, quận 2; khu Củ Chi, quận 12, Hóc Môn; khu Cần Giờ, Nhà Bè, quận 7) | Sở Y tế | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các Bệnh viện có liên quan | Kế hoạch triển khai đầu tư cụ thể và hoàn tất việc đầu tư theo kế hoạch | Giai đoạn 2011-2015 |
| 16 | Xây dựng Viện, Trường ở Củ Chi tại xã Phước Hiệp (quy mô 100 ha) phục vụ lâu dài cho đào tạo cán bộ y tế cho ngành y tế của thành phố | Sở Y tế | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi | Hoàn thành việc đầu tư và đưa vào hoạt động | Quý IV/2013 |
| 17 | Xây dựng khu xét nghiệm kỹ thuật cao cho hệ dự phòng và phục vụ các công tác khác ở khu Nam thành phố | Sở Y tế | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở - ngành có liên quan | Hoàn thành việc đầu tư và đưa vào hoạt động | Quý IV/2013 |
| 18 | Xây dựng Trung tâm y học cổ truyền thành phố, hòa nhập các quốc gia khu vực và quốc tế | Sở Y tế | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Viện Y Dược học dân tộc thành phố và các Sở - ngành có liên quan | Hoàn thành việc đầu tư và đưa vào hoạt động | Quý IV/2013 |

| Lĩnh vực giáo dục đào tạo: | | | | | |
|-----------------------------------|--|---|---|---|---------------------|
| 19 | Đề xuất thực hiện chương trình đào tạo lao động kỹ thuật | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Sở Giáo dục và Đào tạo cùng các Sở - ngành có liên quan | Chương trình cụ thể và đề xuất giải pháp thực hiện | Quý IV/2011 |
| II | Ngành công nghiệp | | | | |
| 20 | Đề án phát triển ngành công nghiệp hóa chất | Sở Công Thương | Các Sở - ngành có liên quan | Hoàn tất việc triển khai các nội dung cụ thể, các đề án và chương trình nhánh | Giai đoạn 2011-2015 |
| 21 | Đề án phát triển sản xuất ngành công nghiệp cơ khí chế tạo | Sở Công Thương | Các Sở - ngành có liên quan | Hoàn tất việc triển khai các nội dung cụ thể, các đề án và chương trình nhánh | Giai đoạn 2011-2015 |
| 22 | Đề án phát triển ngành công nghệ thông tin | Sở Công Thương | Các Sở - ngành có liên quan | Hoàn tất việc triển khai các nội dung cụ thể, các đề án và chương trình nhánh | Giai đoạn 2011-2015 |
| 23 | Đề án phát triển ngành điện | Sở Công Thương | Các Sở - ngành có liên quan | Hoàn tất việc triển khai các nội dung cụ thể, các đề án và chương trình nhánh | Giai đoạn 2011-2015 |
| 24 | Dự án xây dựng cụm công nghiệp cơ khí ô tô Củ Chi | Sở Công Thương, Công ty cổ phần Hòa Phú | Các Sở - ngành có liên quan | Hoàn tất việc đầu tư cơ sở hạ tầng và thu hút đầu tư | Quý IV/2012 |

| III Ngành nông nghiệp | | | | | |
|------------------------------|---|---|--|--|---------------------|
| 25 | Chương trình phát triển giống, cây trồng, vật nuôi chất lượng cao | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở - ngành có liên quan | Hoàn thành các nội dung cụ thể của chương trình và đề xuất bổ sung các nội dung mới (nếu có) | Giai đoạn 2011-2015 |
| 26 | Dự án Khu Nông nghiệp công nghệ cao | Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và các Sở - ngành có liên quan | Hoàn thành việc thu hút đầu tư vào Khu Nông nghiệp công nghệ cao hiện hữu và đề xuất đầu tư các khu nông nghiệp công nghệ cao khác | Quý II/2012 |
| 27 | Dự án Trung tâm công nghệ sinh học | Trung tâm Công nghệ sinh học | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các Sở - ngành có liên quan | Hoàn thành việc đầu tư dự án | Quý IV/2013 |
| 28 | Dự án Trung tâm thủy sản thành phố | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính và các Sở - ngành có liên quan | Hoàn thành việc đầu tư dự án | Quý IV/2013 |
| 29 | Dự án Trung tâm Giao dịch-Triển lãm nông sản thành phố | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các Sở - ngành có liên quan | Hoàn thành việc đầu tư dự án | Quý IV/2012 |

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 2

Các chương trình, Đề án mới

(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)

| STT | Tên đề án | Đơn vị chủ trì triển khai | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm | Thời gian hoàn thành |
|----------|---|------------------------------|---|---|----------------------|
| I | Ngành dịch vụ | | | | |
| | Lĩnh vực tài chính: | | | | |
| 1 | Đề án Đánh giá tác động gia nhập WTO đối với hoạt động ngân hàng và thị trường chứng khoán trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh | Ngân hàng Nhà nước thành phố | Viện Nghiên cứu phát triển, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố, Trung tâm WTO thành phố và các Sở - ngành liên quan | Trình duyệt đề án và triển khai thực hiện các nhóm giải pháp cụ thể của đề án | Quý II/2011 |
| 2 | Đề án phát triển các tổ chức bảo hiểm | Sở Tài chính | Sở Công Thương và các Sở - ngành liên quan | Đề án và các giải pháp cụ thể | Quý III/2012 |
| 3 | Triển khai chương trình kích cầu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Sở Tài chính và các Sở - ngành có liên quan | Tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân thành phố thông qua chủ trương đầu tư các dự án thuộc chương trình; đề xuất điều chỉnh, bổ sung các nội dung của chương trình cho phù hợp với tình hình thực tế | Giai đoạn 2011-2015 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|-------------|
| | Lĩnh vực thương mại: | | | | |
| 4 | Đề án chiến lược tạo nguồn hàng thiết yếu đảm bảo cân đối cung cầu, bình ổn thị trường thành phố giai đoạn 2011-2015 | Sở Công Thương | Các Sở - ngành liên quan | Hoàn thành đề án; đề xuất các giải pháp và nội dung cụ thể cần triển khai thực hiện | Quý II/2012 |
| | Lĩnh vực dịch vụ vận tải, kho bãi: | | | | |
| 5 | Đề án Quy hoạch xây dựng hệ thống kho, bãi hiện đại, đáp ứng nhu cầu trung tâm vận tải đường bộ, đường không, đường sắt, đường sông, đường biển | Sở Giao thông vận tải | Các Sở - ngành có liên quan | Hoàn thành đề án; đề xuất các giải pháp và nội dung cụ thể cần triển khai thực hiện | Quý II/2012 |
| 6 | Đề án Xây dựng Trung tâm cung ứng Logistics trọn gói cho các doanh nghiệp thành phố | Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố | Sở Công Thương và các đơn vị có liên quan | Hoàn thành đề án; đề xuất các giải pháp và nội dung cụ thể cần triển khai thực hiện | Quý II/2012 |
| | Lĩnh vực dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin: | | | | |
| 7 | Xây dựng kế hoạch, chương trình dự án thực hiện phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011-2015, có tầm nhìn đến năm 2020 | Sở Thông tin và Truyền thông | Các Sở - ngành có liên quan | Đề xuất kế hoạch, chương trình, dự án cụ thể và kế hoạch thực hiện | Quý II/2012 |
| 8 | Đề án đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông | Sở Thông tin và Truyền thông | Các Sở - ngành có liên quan | Hoàn thành đề án; đề xuất các giải pháp và nội dung cụ thể cần triển khai thực hiện | Quý II/2012 |

| | | | | | |
|---|---|---|--|--|---------------------|
| Lĩnh vực bất động sản: | | | | | |
| 9 | Đề án phát triển thị trường bất động sản | Sở Xây dựng | Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở - ngành có liên quan | Hoàn thành đề án; đề xuất các giải pháp và nội dung cụ thể cần triển khai thực hiện | Quý II/2012 |
| Về dịch vụ tư vấn, khoa học, công nghệ nghiên cứu và triển khai: | | | | | |
| 10 | Chương trình nâng cao năng lực nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và chuyển giao thiết bị mới thay thế hàng ngoại nhập giai đoạn 2011-2015 | Sở Khoa học và Công nghệ và Trung tâm NEPTECH | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các Sở - ngành có liên quan | Đưa ra kế hoạch nghiên cứu, chế tạo cụ thể hàng năm và có sản phẩm cụ thể | Giai đoạn 2011-2015 |
| 11 | Chương trình Chế tạo Robot công nghiệp | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở - ngành có liên quan | Xây dựng chương trình và đề xuất các nội dung triển khai cụ thể | Quý II/2012 |
| 12 | Đề án hình thành Quỹ Đầu tư mạo hiểm (đầu tư tiềm năng), quỹ đổi mới công nghệ thúc đẩy phát triển các ngành công nghệ cao | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở - ngành có liên quan | Hoàn thành đề án; đề xuất các giải pháp và nội dung cụ thể cần triển khai thực hiện | Quý II/2012 |
| 13 | Chương trình phát triển các Trung tâm ươm tạo doanh nghiệp công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố và các Sở - ngành có liên quan | Hoàn thành Chương trình cụ thể, đề xuất kế hoạch, giải pháp thực hiện và tổ chức thực hiện | Giai đoạn 2011-2015 |

| | | | | | |
|----|--|--------------------------|--|--|--|
| 14 | Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp (hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm, hàng hóa; hỗ trợ đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích) | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Công Thương và các Sở - ngành có liên quan | Hoàn thành Chương trình cụ thể, đề xuất kế hoạch, giải pháp thực hiện và tổ chức thực hiện | Hoàn thành Chương trình quý IV/2011; tổ chức thực hiện trong thời gian còn lại |
| 15 | Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng giai đoạn 2011-2015 (hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng quốc tế; áp dụng công cụ nâng cao năng suất; hỗ trợ công bố, chứng nhận sản phẩm; xây dựng hệ thống giải pháp để nâng cao chỉ số TFP) | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Tài chính và các Sở - ngành có liên quan | Hoàn thành Chương trình cụ thể, đề xuất kế hoạch, giải pháp thực hiện và tổ chức thực hiện | Hoàn thành Chương trình quý IV/2011; tổ chức thực hiện trong thời gian còn lại |
| 16 | Chương trình thông tin, truyền thông về khoa học công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở - ngành có liên quan | Hoàn thành Chương trình cụ thể, đề xuất kế hoạch, giải pháp thực hiện và tổ chức thực hiện | Hoàn thành Chương trình quý IV/2011; tổ chức thực hiện trong thời gian còn lại |
| 17 | Chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào phát triển các sản phẩm công nghệ cao (công nghệ nano và vật liệu mới, sản phẩm hóa dược và dược liệu, phát triển và ứng dụng các công nghệ nền của công nghệ sinh học, phát triển năng lượng mới) | Sở Khoa học và Công nghệ | Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố và các Sở - ngành có liên quan | Hoàn thành Chương trình cụ thể, đề xuất kế hoạch, giải pháp thực hiện và tổ chức thực hiện | Hoàn thành Chương trình QIV/2011; tổ chức thực hiện trong thời gian còn lại |

| | | | | | |
|----|---|---|--|---|-------------|
| 18 | Đề án hình thành và phát triển Khoa học Dịch vụ tại thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011-2015 | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở - ngành có liên quan | Hoàn thành đề án; đề xuất các giải pháp và nội dung cụ thể cần triển khai thực hiện | Quý IV/2011 |
| 19 | Đề án Xây dựng hệ thống mạng thông tin liên kết giữa các phòng thí nghiệm (PTN) trên địa bàn thành phố để quản lý tốt hệ thống các PTN về kiểm định chất lượng hàng hóa và đo lường | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở - ngành có liên quan | Hoàn thành đề án; đề xuất các giải pháp và nội dung cụ thể cần triển khai thực hiện | Quý IV/2011 |
| 20 | Đề án Xây dựng tiêu chí chọn lựa PTN cho đầu tư; lựa chọn PTN cho từng mục tiêu cụ thể để theo dõi tình hình biến động của chất lượng hàng hóa trên địa bàn thành phố | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở - ngành có liên quan | Hoàn thành đề án; đề xuất các giải pháp và nội dung cụ thể cần triển khai thực hiện | Quý IV/2011 |
| 21 | Dự án đầu tư Phòng thí nghiệm phân tích chất lượng cao làm cơ sở kiểm định chất lượng hàng hóa trình độ cao ngang tầm quốc tế | Sở Khoa học và Công nghệ; Trung tâm Dịch vụ phân tích và thí nghiệm | Các Sở - ngành có liên quan | Hoàn thành dự án | Quý IV/2013 |
| 22 | Đề án Sàn giao dịch công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Công Thương và các Sở - ngành có liên quan | Hoàn thành đề án; đề xuất các giải pháp và nội dung cụ thể cần triển khai thực hiện | Quý IV/2011 |
| 23 | Đề án Phát triển dịch vụ tư vấn khoa học và công nghệ (trước hết là dịch vụ môi giới công nghệ, thông tin khoa học và công nghệ, tiếp thị công nghệ) | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Công Thương, Trung tâm xúc tiến thương mại và đầu tư thành phố và các Sở - ngành có liên quan | Hoàn thành đề án; đề xuất các giải pháp và nội dung cụ thể cần triển khai thực hiện | Quý IV/2011 |

| | | | | | |
|--------------------------|---|---------------------------------|--|--|---------------------|
| 24 | Tiếp tục triển khai dự án xây dựng Trung tâm thông tin khoa học và công nghệ phía Nam | Sở Khoa học và Công nghệ | Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, các Sở - ngành có liên quan | Hoàn thành việc đầu tư | Quý IV/2012 |
| Lĩnh vực du lịch: | | | | | |
| 25 | Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành du lịch trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011-2015 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các Sở - ngành có liên quan | Hoàn thành chương trình; đề xuất các giải pháp và nội dung cụ thể cần triển khai thực hiện | Quý IV/2011 |
| Lĩnh vực y tế: | | | | | |
| 26 | Xây dựng mô hình liên kết trong đào tạo: Bệnh viện - Trường Đại học Y, Dược | Sở Y tế | Các Sở - ngành liên quan | Hoàn thành mô hình và đề xuất các giải pháp thực hiện | Quý IV/2011 |
| 27 | Triển khai quy hoạch đào tạo cán bộ y tế | Sở Y tế | Sở Nội vụ và các Sở - ngành liên quan | Hoàn thành và đề xuất quy hoạch, giải pháp tổ chức thực hiện | Quý I/2012 |
| 28 | Thành lập phòng khám, chăm sóc “Sức khỏe sinh sản - Kế hoạch hóa gia đình”, giai đoạn 2010 - 2015 | Sở Y tế | Các Sở - ngành liên quan | Đề xuất kế hoạch tổ chức thực hiện và triển khai | Giai đoạn 2011-2015 |
| 29 | Chương trình củng cố và tăng cường phát triển mạng lưới y tế cơ sở và hệ thống dự phòng thành phố | Sở Y tế | Các Sở - ngành, quận - huyện có liên quan | Hoàn thành chương trình; đề xuất các giải pháp và nội dung cụ thể cần triển khai thực hiện | Quý I/2012 |

| | | | | | |
|----|---|---------|--|---|--|
| 30 | Xây dựng mạng lưới cấp cứu ngoại viện thành phố Hồ Chí Minh | Sở Y tế | Các Sở - ngành liên quan | Hoàn thành và đề xuất kế hoạch triển khai cụ thể; triển khai thực hiện chương trình | Hoàn thành kế hoạch: quý IV/2011; triển khai thực hiện trong thời gian còn lại |
| 31 | Chương trình hành động Vệ sinh an toàn thực phẩm thành phố | Sở Y tế | Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở - ngành liên quan | Đề xuất chương trình cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện | Hoàn thành chương trình quý III/2011; triển khai thực hiện trong thời gian còn lại |
| 32 | Thí điểm quản lý thực phẩm theo mô hình “Chuỗi thực phẩm an toàn, giai đoạn 2011-2015 | Sở Y tế | Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở - ngành liên quan | Đề xuất chương trình cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện | Hoàn thành chương trình quý III/2011; triển khai thực hiện trong thời gian còn lại |
| 33 | Chương trình phát triển ngành y dược học cổ truyền đến năm 2020 | Sở Y tế | Các Sở - ngành liên quan | Đề xuất chương trình cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện | Hoàn thành chương trình quý III/2011; triển khai thực hiện trong thời gian còn lại |

| | | | | | |
|-----------------------------------|---|------------------------|---|---|-------------|
| 34 | Một số giải pháp để kiện toàn quản lý nhà nước về dược và mỹ phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh | Sở Y tế | Sở Công Thương và các Sở - ngành liên quan | Đề xuất giải pháp thực hiện | Quý IV/2011 |
| Lĩnh vực giáo dục đào tạo: | | | | | |
| 35 | Đề án thực hiện Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2010-2011 đến năm 2014-2015 | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các Sở - ngành liên quan | Hoàn thành đề án; đề xuất các giải pháp và nội dung cụ thể cần triển khai thực hiện | Quý IV/2011 |
| 36 | Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi trong giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ. | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các Sở - ngành liên quan | Hoàn thành đề án; đề xuất các giải pháp và nội dung cụ thể cần triển khai thực hiện | Quý IV/2011 |
| II Ngành công nghiệp | | | | | |
| 37 | Chương trình thực hiện mục tiêu quốc gia về sự dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn thành phố | Sở Công Thương | Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở - ngành liên quan | Hoàn thành dự án; đề xuất các giải pháp và nội dung cụ thể cần triển khai thực hiện | Quý IV/2012 |
| 38 | Đề án quy hoạch phát triển điện lực thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010-2015, có xét đến năm 2020 | Sở Công Thương | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các Sở - ngành liên quan | Hoàn thành đề án; đề xuất các giải pháp và nội dung cụ thể cần triển khai thực hiện | Quý II/2012 |

| | | | | | |
|------------|--|--|--------------------------|---|---|
| 39 | Dự án quy hoạch phát triển ngành công nghiệp dệt may trên địa bàn thành phố đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 | Sở Công Thương | Các Sở - ngành liên quan | Hoàn thành dự án; đề xuất các giải pháp và nội dung cụ thể cần triển khai thực hiện | Quý IV/2012 |
| 40 | Dự án quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 | Sở Công Thương | Các Sở - ngành liên quan | Hoàn thành dự án; đề xuất các giải pháp và nội dung cụ thể cần triển khai thực hiện | Quý IV/2012 |
| 41 | Dự án quy hoạch phát triển ngành công nghiệp chế biến tinh lương thực - thực phẩm trên địa bàn thành phố đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 | Sở Công Thương | Các Sở - ngành liên quan | Hoàn thành dự án; đề xuất các giải pháp và nội dung cụ thể cần triển khai thực hiện | Quý IV/2012 |
| 42 | Dự án quy hoạch phát triển ngành công nghiệp phụ trợ và hợp tác tỉnh từ nay đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 | Sở Công Thương | Các Sở - ngành liên quan | Hoàn thành dự án; đề xuất các giải pháp và nội dung cụ thể cần triển khai thực hiện | Quý IV/2012 |
| III | Ngành nông nghiệp | | | | |
| 43 | Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2011-2015 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở - ngành liên quan | Đề xuất chương trình cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện | Hoàn thành chương trình quý IV/2011; triển khai thực hiện trong thời gian còn lại |

| | | | | | |
|----|--|--|--------------------------|---|--|
| 44 | Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở - ngành liên quan | Đề xuất chương trình cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện | Hoàn thành chương trình quý III/2011; triển khai thực hiện trong thời gian còn lại |
| 45 | Chương trình nâng cao năng lực quản lý, gây nuôi động vật hoang dã | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở - ngành liên quan | Đề xuất chương trình cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện | Hoàn thành chương trình quý III/2011; triển khai thực hiện trong thời gian còn lại |
| 46 | Chương trình khuyến nông, khuyến ngư, chuyển giao công nghệ, giống mới trong nông nghiệp | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở - ngành liên quan | Đề xuất chương trình cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện | Hoàn thành chương trình quý III/2011; triển khai thực hiện trong thời gian còn lại |
| 47 | Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp góp phần nâng cao thu nhập của nông dân | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở - ngành liên quan | Hoàn thành đề án; đề xuất các giải pháp và nội dung cụ thể cần triển khai thực hiện | Quý IV/2011 |
| 48 | Đề án ứng phó biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở - ngành liên quan | Hoàn thành đề án; đề xuất các giải pháp và nội dung cụ thể cần triển khai thực hiện | Quý IV/2011 |

| | | | | | |
|-----------|---|--|---|---|-------------|
| 49 | Dự án đầu tư trại thực nghiệm chăn nuôi bò sữa công nghệ cao (Israel tài trợ) | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở - ngành liên quan | Hoàn thành dự án | Quý II/2012 |
| IV | Các chương trình, đề án khác | | | | |
| 50 | Đề án “tái cấu trúc nền kinh tế thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011-2020” | Viện Nghiên cứu và phát triển | Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở - ngành liên quan | Hoàn thành đề án; đề xuất các giải pháp và nội dung cụ thể cần triển khai thực hiện | Quý II/2012 |

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 7****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2011/QĐ-UBND

Quận 7, ngày 12 tháng 5 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH**Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp tại Tờ trình số 188/TTr-TP ngày 06 tháng 5 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ 06 văn bản do Ủy ban nhân dân quận 7 ban hành không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành theo Danh mục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau bảy (07) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các phòng ban chuyên môn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH****Nguyễn Thanh Triều**

DANH MỤC VĂN BẢN ĐƯỢC BÃI BỎ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 12/05//2011 của UBND quận 7)

| Stt | Số, ký hiệu | Ngày ban hành | Trích yếu nội dung | Ghi chú |
|--|-----------------|---------------|--|---------|
| Quyết định của Ủy ban nhân dân quận | | | | |
| 01 | 05/2005/QĐ-UB | 22/6/2005 | Về việc ban hành quy chế tổ chức, hoạt động của HĐPHCTPB GDPL quận 7 | |
| 02 | 10/2005/QĐ-UBND | 23/8/2005 | Về việc ban hành quy chế tạm thời ủy nhiệm cho UBND phường thực hiện công tác quản lý và thu các khoản thuế | |
| 03 | 11/2005/QĐ-UBND | 23/8/2005 | Về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của ban chỉ đạo cải cách hành chính quận 7 | |
| 04 | 20/2006/QĐ-UBND | 05/4/2006 | Ban hành quy định lập hồ sơ chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và trách nhiệm của tổ chức thành viên có liên quan. | |
| 05 | 29/2006/QĐ-UBND | 25/5/2006 | Ban hành quy định lập, thẩm định và trình duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn quận 7 | |
| 06 | 41/2006/QĐ-UBND | 27/9/2006 | Về việc ban hành quy định về cấp phép khai thác nước dưới đất | |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Triều

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2011/QĐ-UBND

Quận 7, ngày 12 tháng 5 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục văn bản hết hiệu lực thi hành

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp tại Tờ trình số 188/TTr-TP ngày 06 tháng 5 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay công bố 31 văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận 7 ban hành hết hiệu lực thi hành theo Danh mục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau bảy (07) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các phòng, ban chuyên môn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Triều

DANH MỤC VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2011 của UBND quận 7).

| Stt | Số, ký hiệu | Ngày ban hành | Trích yếu nội dung | Ghi chú |
|---|------------------|---------------|--|---------|
| Nghị quyết của Hội đồng nhân dân quận | | | | |
| 01 | 41/2007/NQ-HĐND | 21/12/2007 | Dự toán về phân bổ ngân sách năm 2008 | |
| 02 | 42/2007/NQ-HĐND | 21/12/2007 | Về dự án đầu tư từ ngân sách năm 2008 | |
| 03 | 02/2008/NQ-HĐND | 23/1/2008 | Về nhiệm vụ kinh tế xã hội năm 2008 | |
| Quyết định của Ủy ban nhân dân quận | | | | |
| 04 | 195/QĐ.UB | 23/5/1997 | Về việc thành lập Ban chỉ đạo chống tham nhũng | |
| 05 | 20/1998/QĐ.UB.CT | 18/3/1998 | Về thành lập Ban chỉ đạo quy hoạch phát triển kinh tế xã hội đến năm 2010 | |
| 06 | 51/QĐ.UB | 05/8/1998 | Về việc thành lập Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật quận 7 | |
| 07 | 13/QĐ-UB | 13/3/1999 | Về việc thành lập Ban chỉ đạo khu phố văn hóa quận 7 | |

| | | | | |
|----|------------------|------------|--|--|
| 08 | 15/QĐ-UB | 22/3/1999 | Về việc thành lập Ban chỉ đạo Chương trình giải quyết việc làm | |
| 09 | 16/QĐ.UB.TC | 25/3/1999 | Về việc thành lập Ban chỉ đạo chống sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản trên địa bàn quận 7 | |
| 10 | 33/ QĐ-UB | 29/6/1999 | Về việc thành lập Ban chỉ đạo về chính sách nhà ở đất ở quận 7 | |
| 11 | 63/QĐ.UB.TC | 4/7/2001 | Về việc Ban chỉ đạo thi hành Nghị định số 23/1999/NĐ-CP ngày 15/4/1999 của Chính Phủ về chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B, C, K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có người thân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được Đảng cử ở lại Miền Nam sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 | |
| 12 | 130/QĐ.UB.TC | 14/11/2001 | Về việc thành lập Ban chỉ đạo quy hoạch phát triển kinh tế xã hội quận 7 đến năm 2010 | |
| 13 | 146/QĐ.UB.TC | 14/12/2001 | Về việc thành lập Ban chỉ đạo công tác phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn quận 7 | |
| 14 | 147/QĐ.UB.TC | 04/12/2001 | Về việc thành lập Ban chỉ đạo quận về chính sách nhà ở - đất ở | |
| 15 | 07/2002/QĐ.UB.TC | 18/9/2003 | Về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường - Giải phóng mặt bằng quận 7 | |
| 16 | 13/2004/QĐ-UB | 17/9/2004 | Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban an toàn giao thông quận 7 | |
| 17 | 54/2005/QĐ-UBND | 25/8/2005 | Về việc thành lập Hội đồng nghĩa vụ quân sự | |
| 18 | 39/2006/QĐ-UBND | 30/8/2006 | Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của UBND quận 7 | |

| | | | |
|----|-----------------|------------|--|
| 19 | 20/2007/QĐ-UBND | 23/7/20007 | Về ban hành quy trình luân chuyển hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính của hộ gia đình, cá nhân khi được cấp giấy chứng nhận theo Quyết định số 54/2007/QĐ-UBND ngày 30/3/2007 của UBND Thành phố giữa UBND Quận và Chi cục thuế và Kho bạc Nhà nước |
| 20 | 29/2007/QĐ-UBND | 05/12/2007 | Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm y tế dự phòng quận 7 |
| 21 | 30/2007/QĐ-UBND | 05/12/2007 | Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện quận 7 |
| 22 | 34/2008/QĐ-UBND | 21/02/2008 | Về bổ sung dự toán năm 2008 |
| 23 | 38/2008/QĐ-UBND | 21/02/2008 | Về bổ sung dự toán năm 2008 |
| 24 | 05/CT-UB | 12/6/1997 | Về việc tổ chức triển khai thực hiện Pháp lệnh về dân quân tự vệ |
| 25 | 15/CT-UB | 28/7/1997 | Về việc quản lý sử dụng đất công trên địa bàn quận 7 |
| 26 | 11/CT-UB | 17/12/1997 | Về việc tổ chức triển khai Pháp lệnh lực lượng dự bị động viên |
| 27 | 01/CT-UB | 12/01/1998 | Về việc tăng cường thực hiện công tác BHXH trên địa bàn quận 7 |
| 28 | 05/CT-UB | 15/5/1998 | Về việc chấn chỉnh công tác quản lý trật tự đô thị trên địa bàn quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh |
| 29 | 02/2007/CT-UBND | 25/4/2007 | Về việc tiếp tục thực hiện tập trung người lang thang, xin ăn, sinh sống nơi công cộng và người nghiện ma túy trên địa bàn quận |

| | | | | |
|----|-----------------|------------|---|--|
| 30 | 02/2008/CT-UBND | 14/01/2008 | Về công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, công tác tuyển sinh quân sự và động viên quân đội năm 2008 | |
| 31 | 03/2008/CT-UBND | 17/01/2008 | Về thực hiện nhiệm vụ quân sự quốc phòng năm 2008 | |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Triều

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 14.000 đồng